

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP  
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH**

**Áp dụng đối với: Sở Y tế**

**I. DANH MỤC VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ**

<b>STT</b>	<b>Tên biểu</b>	<b>Ký hiệu biểu</b>	<b>Kỳ báo cáo</b>	<b>Ngày nhận báo cáo</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>E</b>
1	Số bác sĩ và giường bệnh	001.N/T1601-YT	Năm	Ngày 17 tháng 3 năm sau năm báo cáo
2	Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	002.N/T1604-YT	Năm	Ngày 17 tháng 3 năm sau năm báo cáo
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	003.N/T1605-YT	Năm	Ngày 17 tháng 3 năm sau năm báo cáo
4	HIV VÀ AIDS	004.N/T1606-07-YT	Năm	Ngày 17 tháng 3 năm sau năm báo cáo

**Biểu số: 001.N/T1601-YT**  
Ban hành kèm theo Quyết định  
số 1614/QĐ-UBND ngày  
06/10/2023 của UBND tỉnh  
Bình Phước  
Ngày nhận báo cáo: Ngày 17  
tháng 3 năm sau năm báo cáo

**SỐ BÁC SĨ VÀ GIƯỜNG BỆNH**  
Có tại ngày 31 tháng 12 năm .....

Đơn vị báo cáo:  
Sở Y tế Bình Phước  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Cục Thống kê Bình  
Phước

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra:	
				Công lập	Ngoài công lập*
A	B	C	1	2	3
<b>1. Tổng số bác sĩ</b>	<b>01</b>	Người			
<i>Chia theo trình độ chuyên môn về y tế</i>					
- Bác sĩ	02	Người			
- Thạc sĩ	03	Người			
- Tiến sĩ	04	Người			
- Phó giáo sư	05	Người			
- Giáo sư	06	Người			
<b>2. Tổng số giường bệnh</b>	<b>07</b>	Giường			
<b>3. Số bác sĩ bình quân 10.000 người dân</b>	<b>08</b>	Người			
<b>4. Số giường bệnh bình quân 10.000 người dân</b>	<b>09</b>	Giường			

Ghi chú: (\*) Công bố kỳ 5 năm

....., Ngày ... tháng ... năm ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

## BIỂU SỐ 001.N/T1601-YT: SỐ BÁC SĨ VÀ GIƯỜNG BỆNH

### 1. Khái niệm, phương pháp tính

#### a) Khái niệm

Bác sĩ là những người đã tốt nghiệp ngành y, được cấp bằng bác sĩ đang làm việc ở các cơ sở y tế (công lập và ngoài công lập).

Bác sĩ ở đây gồm bác sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư có trình độ chuyên môn về y học và có bằng bác sĩ trở lên hiện đang công tác trong lĩnh vực y tế.

Giường bệnh là giường dùng để điều trị, chăm sóc người bệnh ở các cơ sở y tế.

Giường bệnh gồm giường bệnh viện và giường ở các cơ sở y tế khác. Giường bệnh ở đây không tính số giường tại các trạm y tế xã/phường/thị trấn/cơ quan, giường trực, giường phòng khám và giường phòng đợi.

#### b) Phương pháp tính

- Số bác sĩ trên mười nghìn dân được xác định trong kỳ báo cáo theo công thức:

$$\text{Số bác sĩ bình quân trên mười nghìn dân} = \frac{\text{Số bác sĩ làm việc trong lĩnh vực y tế có đến thời điểm báo cáo}}{\text{Tổng dân số}} \times 10.000$$

Bác sĩ ở đây gồm cả biên chế và hợp đồng có trình độ chuyên môn về y học và có bằng bác sĩ trở lên hiện đang làm việc trong lĩnh vực y tế.

c) Số giường bệnh trên mười nghìn dân được xác định trong kỳ báo cáo theo công thức:

$$\text{Số giường bệnh bình quân mười nghìn người dân} = \frac{\text{Số giường bệnh tại các cơ sở y tế có đến thời điểm báo cáo}}{\text{Tổng dân số}} \times 10.000$$

Không tính số giường tại các trạm y tế xã/phường/thị trấn, cơ quan.

### 2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số bác sĩ, giường bệnh tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 2, 3: Ghi số bác sĩ, giường bệnh tương ứng với các dòng của cột A. Lưu ý: Báo cáo hằng năm đối với loại hình công lập, 5 năm báo cáo đối với loại hình công lập và ngoài công lập.

**3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

**4. Nguồn số liệu**

- Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập.
- Sở Y tế tỉnh Bình Phước.
- Cục Thống kê tỉnh Bình Phước.

**Biểu số: 002.N/T1604-YT**  
Ban hành kèm theo Quyết  
định số 1614/QĐ-UBND  
ngày 06/10/2023 của UBND  
tỉnh Bình Phước  
Ngày nhận báo cáo: Ngày 17  
tháng 3 năm sau năm báo cáo

**TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI MỘT  
TUỔI ĐƯỢC TIÊM CHỦNG  
ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI VẮC XIN**

Năm .....

Đơn vị báo cáo:  
Sở Y tế Bình Phước  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Cục Thống kê Bình  
Phước

	Mã số	Tổng số trẻ em dưới 01 tuổi (trẻ em)	Tổng số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (trẻ em)	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (%)
A	B	1	2	$3 = (2:1) \times 100$
<b>Tổng số</b>	<b>01</b>			
<i>Chia theo huyện/quận/thị xã/thành phố</i>				
Thành phố .....	02			
Huyện .....	03			
	04			
	05			
	06			
	07			
	08			
	09			

....., Ngày ... tháng ... năm ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

## **BIỂU SỐ 002.N/T1604-YT: TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI MỘT TUỔI ĐƯỢC TIÊM CHỦNG ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI VẮC XIN**

### **1. Khái niệm, phương pháp tính**

Theo hướng dẫn của Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc và Tổ chức Y tế Thế giới, trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ một liều vắc xin BCG để phòng lao, ba liều vắc xin DPT để phòng bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, Hib, ba liều vắc xin phòng bại liệt và một mũi tiêm phòng sởi trước lần sinh nhật đầu tiên.

Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm (uống) đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo quy định của Bộ Y tế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ trẻ em dưới} \\ \text{01 tuổi được} \\ \text{tiêm (uống) đầy} \\ \text{đủ các loại vắc} \\ \text{xin (\%)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm (uống)} \\ \text{đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo} \\ \text{quy định của Bộ Y tế trong kỳ báo cáo} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số trẻ em dưới 01 tuổi trong khu vực} \\ \text{trong cùng kỳ báo cáo} \end{array}} \times 100$$

### **2. Cách ghi biểu**

- Cột 1: Tổng số trẻ em dưới 01 tuổi trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 2: Tổng số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 3: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm (uống) đầy đủ vắc xin trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng của cột A.

### **3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

### **4. Nguồn số liệu**

Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

**Biểu số: 003.N/T1605-YT**  
Ban hành kèm theo Quyết  
định số 1614/QĐ-UBND ngày  
06/10/2023 của UBND tỉnh  
Bình Phước  
Ngày nhận báo cáo: Ngày 17  
tháng 3 năm sau năm báo cáo

**TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI 05 TUỔI  
SUY DINH DƯỠNG**

Năm .....

Đơn vị báo cáo:  
Sở Y tế Bình Phước  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Cục Thống kê Bình  
Phước

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng		
		Cân nặng theo tuổi	Chiều cao theo tuổi	Cân nặng theo chiều cao
A	B	1	2	3
<b>Tổng số</b>	<b>01</b>			
<b>1. Chia theo giới tính</b>				
- Nam	02			
- Nữ	03			
<b>2. Chia theo mức độ</b>				
- Độ I	04			
- Độ II	05			
- Độ III	06			

....., Ngày ... tháng ... năm ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

## **BIỂU SỐ 003.N/T1605-YT: TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI 05 TUỔI SUY DINH DƯỠNG**

### **1. Khái niệm, phương pháp tính**

Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng là số trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng (SDD) ít nhất 1 trong 3 thể: Cân nặng theo tuổi; chiều cao theo tuổi hoặc cân nặng theo chiều cao tính trên 100 trẻ được cân đo của khu vực tại thời điểm điều tra.

Trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi là trẻ em dưới 05 tuổi có cân nặng theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

Trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi là trẻ em dưới 05 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

Trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao là trẻ em dưới 05 tuổi có cân nặng theo chiều cao thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

Quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) là một nhóm trẻ có sức khỏe, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường. Cân nặng và chiều cao của những trẻ em này được Tổ chức Y tế Thế giới dùng làm chuẩn để đánh giá tình trạng dinh dưỡng của những trẻ em cùng độ tuổi. Quần thể tham khảo năm 2006 của Tổ chức Y tế Thế giới là chuẩn mới thay thế cho quần thể tham khảo cũ trước đây của Hoa Kỳ và của Tổ chức Y tế Thế giới.

Tình trạng dinh dưỡng được phân loại theo các mức sau:

- Bình thường:  $\geq - 2SD$
- Suy dinh dưỡng:
  - + Độ I (vừa):  $< - 2SD$  và  $\geq - 3SD$
  - + Độ II (nặng):  $< - 3SD$  và  $\geq - 4SD$
  - + Độ III (rất nặng):  $< - 4SD$

Trong đó, SD là độ chênh lệch chuẩn.

Khái niệm suy dinh dưỡng theo nghĩa rộng cũng gồm cả hiện tượng thừa dinh dưỡng, hiện tượng béo phì.

Công thức tính:



$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi}}{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi được cân}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi}}{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi được đo chiều cao}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao}}{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi được cân và đo chiều cao}} \times 100$$

## 2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 2: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 3: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao tương ứng với các dòng của cột A.

## 3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

## 4. Nguồn số liệu

- Điều tra dinh dưỡng.
- Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

**Biểu số: 004.N/T1606-07-YT**  
Ban hành kèm theo Quyết định  
số 1614/QĐ-UBND ngày  
06/10/2023 của UBND tỉnh  
Bình Phước  
Ngày nhận báo cáo: Ngày 17  
tháng 3 năm sau năm báo cáo

**HIV VÀ AIDS**

Năm .....

Đơn vị báo cáo:  
Sở Y tế Bình Phước  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Cục Thống kê Bình  
Phước

*Đơn vị tính: Người*

	Mã số	Số người hiện nhiễm HIV		Số người tử vong do HIV/AIDS được báo cáo	
		Số mới phát hiện	Số hiện còn sống đến cuối kỳ báo cáo	Số người tử vong trong kỳ	Số người tử vong tích lũy từ ca đầu tiên
A	B	1	2	3	4
<b>Tổng số</b>	<b>01</b>				
<b>1. Chia theo giới tính</b>					
- Nam	02				
- Nữ	03				
<b>2. Chia theo nhóm tuổi</b>					
- Dưới 15 tuổi	04				
- Từ 15 - 19 tuổi	05				
- Từ 20 - 29 tuổi	06				
- Từ 30 - 39 tuổi	07				
- Từ 40 - 49 tuổi	08				
- Từ 50 tuổi trở lên	09				

....., Ngày ... tháng ... năm ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

## **BIỂU SỐ 004.N/T1606-07-XHMT: HIV VÀ AIDS**

### **1. Khái niệm, phương pháp tính**

- HIV là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Human Immunodeficiency Virus” là vi ruts gây ra suy giảm miễn dịch ở người, làm cho cơ thể suy giảm khả năng chống lại các tác nhân gây bệnh.

- AIDS là chữ viết tắt của cụm từ tiếng anh “Acquired Immunodeficiency Syndrome” là hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải do HIV gây ra, thường được biểu hiện thông qua các nhiễm trùng cơ hội, các ung thư và có thể dẫn đến tử vong.

- Người nhiễm HIV là người được cơ quan y tế phát hiện bị nhiễm HIV theo quy định của pháp luật.

- Người tử vong do HIV/AIDS: Người nhiễm HIV tử vong do tất cả các nguyên nhân.

### **2. Cách ghi biểu**

- Cột 1: Ghi số người mới được phát hiện nhiễm HIV trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 2: Ghi số người nhiễm HIV hiện còn sống đến cuối kỳ báo cáo tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 3: Ghi số người mắc HIV/AIDS mới chết trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 4: Ghi số cộng dồn người chết do HIV/AIDS từ ca đầu tiên đến cuối kỳ báo cáo. tương ứng với các dòng của cột A.

### **3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Toàn bộ số ca hiện nhiễm HIV, số ca tử vong do HIV/AIDS trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu: số phát sinh trong năm và số hiện có tính đến năm báo cáo.

### **4. Nguồn số liệu**

Sở Y tế tỉnh Bình Phước.